SỞ Y TẾ TP HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN PHỔI HẢI DƯƠNG

Số: 451 /QĐ-BVPHD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán gói thầu G19 - Kiểm định, kiểm xạ, cấp phép hoạt động, hiệu chuẩn, kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2027 (chia làm 02 phần/lô)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỔI HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 349/2026/NĐ-CP, ngày 09 tháng 9 năm 2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 332/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/12/2025: Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân;

Căn cứ Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BYT ngày 19/01/2026 của Bộ Y tế Thông tư Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý TBYT;

Căn cứ Văn bản hợp nhất 08/VBHN-BYT ngày 06/3/2026 của Bộ Y tế Nghị định về Quản lý TBYT;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế được sửa đổi bổ

sung bởi Thông tư 59/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Thông tư 24/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026;

Thông tư 03/2024/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo Nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Căn cứ Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 về ban hành danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ Thông tư số13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 09 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế quy định bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-BYT ngày 30/06/2021 của Bộ Y tế ban hành Quy trình kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế dùng trong điều trị người bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc đổi tên một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế và Trạm Y tế các xã, phường đặc khu trực thuộc Trung tâm Y tế khu vực;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-BVPHD ngày 20/01/2026 của Bệnh viện Phổi Hải Dương về việc công bố công khai quyết toán năm 2025 và dự toán thu chi 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng của bệnh viện ngày 04/09/2026 và ngày 28/09/2026 cho gói thầu G19 - Kiểm định, kiểm xạ, cấp phép hoạt động, hiệu chuẩn, kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2027 (chia làm 02 phần/lô);

Căn cứ Dự toán gói thầu G19 - Kiểm định, kiểm xạ, cấp phép hoạt động, hiệu chuẩn, kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2027 (chia làm 02 phần/lô) của Phòng Tài chính Kế toán ngày 28/09/2026;

Theo đề nghị của khoa Dược VT-TBYT tại tờ trình ngày 02/10/2026 về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán gói thầu G19 - Kiểm

định, kiểm xạ, cấp phép hoạt động, hiệu chuẩn, kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2027 (chia làm 02 phần/lô).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Gói thầu G19 - Kiểm định, kiểm xạ, cấp phép hoạt động, hiệu chuẩn, kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2027 (chia làm 02 phần/lô) với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Khoa Dược VT-TBYT, Phòng Tài chính kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Dược VT-TBYT, Phòng Tài chính - Kế toán và các bộ phận có liên quan của Bệnh viện Phổi Hải Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- HTMĐT quốc gia;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN PHỔI HẢI DƯƠNG

Nguyễn Văn Lưu

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán gói thầu G19 - Kiểm định, kiểm xạ, cấp phép hoạt động, hiệu chuẩn, kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2027 (chia làm 02 phần/lô)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVPHD ngày 06/10/2026 của Bệnh viện Phổi Hải Dương)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Bệnh viện Phổi Hải Dương	G19 - Kiểm định, kiểm xạ, cấp phép hoạt động, hiệu chuẩn, kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2027 (chia làm 02 phần/lô)	Kiểm định, kiểm xạ, cấp phép hoạt động, hiệu chuẩn, kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2027 (chia làm 02 phần/lô)	**108.650.000**	Nguồn thu viện phí, bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện	Chào giá trực tuyến rút gọn	60 ngày	Quý III năm 2026	Trọn gói	365 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu:				**108.650.000**							
Bằng chữ: Một trăm linh tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.											

PHỤ LỤC DANH MỤC

STT	Danh mục hàng hoá	Model/seri	ĐVT	Số lượng	Nội dung dịch vụ	Giá kế hoạch (VAT)	Thành tiền (VND)
Phần lô 1	**Kiểm định, kiểm xạ và cấp phép hoạt động thiết bị X-quang y tế**						**61.450.000**
1.	Máy chụp cắt lớp 32 lát	Revolution ACT/CE6XG2500 195HM	Máy	01	Kiểm xạ môi trường	2.400.000	2.400.000
					Kiểm định thiết bị	4.500.000	4.500.000
2.	Máy chụp Xquang KTS tổng quát (Amadeo)	Amadeo R-DR/AR220025021	Máy	01	Kiểm xạ môi trường	2.400.000	2.400.000
					Kiểm định thiết bị	3.500.000	3.500.000
3.	Máy chụp cắt lớp vi tính 16 lát	Supria/W0420	Máy	01	Kiểm xạ môi trường	2.400.000	2.400.000
					Kiểm định thiết bị	4.500.000	4.500.000
					Gia hạn giấy phép	6.500.000	6.500.000
4.	Máy X quang trên xe lưu động	TITAN2000 CHEST, VKM60006220519	Máy	01	Kiểm xạ môi trường	2.400.000	2.400.000
					Kiểm định thiết bị	3.500.000	3.500.000
					Gia hạn giấy phép	6.500.000	6.500.000
5.	Máy X Quang tổng hợp	EVA-HF525 PLUS, VKM10280070114	Máy	01	Kiểm xạ môi trường	2.400.000	2.400.000
					Kiểm định thiết bị	3.500.000	3.500.000
					Gia hạn giấy phép	6.500.000	6.500.000
6.	Máy X Quang tổng hợp	EVA-HF525 PLUS, VKM10281070114	Máy	01	Kiểm xạ môi trường	2.400.000	2.400.000
					Kiểm định thiết bị	3.500.000	3.500.000
					Gia hạn giấy phép	4.550.000	4.550.000

STT	Danh mục hàng hoá	Model/seri	ĐVT	Số lượng	Nội dung dịch vụ	Giá kế hoạch (VAT)	Thành tiền (VND)
Phần lô 2	**Kiểm định, hiệu chuẩn và kiểm tra an toàn, tính năng kỹ thuật thiết bị y tế khác**						**47.200.000**
1.	Máy thở CARESCAPE R860	CARESCAPE R860/ CBRX02784	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
2.	Máy thở CARESCAPE R860	CARESCAPE R860/ CBRX02797	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
3.	Máy thở Savina	Savina/ ASMM-0018	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
4.	Máy thở Savina	Savina/ ASNC-0006	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
5.	Máy thở chức năng cao Puritan Bennett 840	Bennet 840/ 3512212219	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
6.	Máy thở chức năng cao Carescape R860	Carescape R860/ CBRA21043	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
7.	Máy thở cho bệnh nhân (xâm lấn, chăm sóc đặc biệt) (máy thở chức năng cao)	Savina 300/ ASPJ-0683	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
8.	Máy thở Savina	Savina; SN: ASMM-0017	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
9.	Máy thở Savina	Savina; SN: ASHL-0048	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
10.	Máy thở Savina	Savina; SN: ASMM-0019	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
11.	Máy thở Savina	Savina; SN: ASNC-0005	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
12.	Máy thở Savina	Savina; SN: ASHL-0047	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
13.	Máy thở Drager	Drager ASHL-0046	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000

STT	Danh mục hàng hoá	Model/seri	ĐVT	Số lượng	Nội dung dịch vụ	Giá kế hoạch (VAT)	Thành tiền (VND)
14.	Máy thở Drager	Savina/ASJB - 0112	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
15.	Máy thở và phụ kiện đi kèm	Puritan Bennet 840 Ventilator System; Covidien LLC/3512212246	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật	1.500.000	1.500.000
16.	Máy điện tim 12 kênh	460016-M21C16720009	Cái	01	Kiểm định	900.000	900.000
17.	Máy điện tim 6 cần	FX-8200; Fukuda Denshi Co.ltd/50200403	Cái	01	Kiểm định	900.000	900.000
18.	Máy điện tim 6 cần	ECG-1250K/ 15349	Cái	01	Kiểm định	900.000	900.000
19.	Máy điện tim 6 cần	125280000132	Cái	01	Kiểm định	900.000	900.000
20.	Máy điện tim 6 cần	125280000131	Cái	01	Kiểm định	900.000	900.000
21.	Nồi hấp 75l chạy điện	AS 446 WA/245	Cái	01	Kiểm định	500.000	500.000
22.	Nồi hấp tiệt trùng TOMY	ES-315/45135049	Cái	01	Kiểm định	500.000	500.000
23.	Cân điện tử, Model PA4102	B251646675	Cái	01	Kiểm định	300.000	300.000
24.	Máy ly tâm Kubota	2420/ R29762	Cái	01	Hiệu chuẩn	900.000	900.000
25.	Máy ly tâm tốc độ cao Thermo	LEGEND MACH 1.6/ 40952247	Cái	01	Hiệu chuẩn	900.000	900.000
26.	Tủ lạnh Shap	SJ-X316E-DS/ N 210537197	Cái	01	Hiệu chuẩn	900.000	900.000
27.	Tủ lạnh Shap	SJ-X251E-DS/ N 190328899	Cái	01	Hiệu chuẩn	900.000	900.000

STT	Danh mục hàng hoá	Model/seri	ĐVT	Số lượng	Nội dung dịch vụ	Giá kế hoạch (VAT)	Thành tiền (VND)
28.	Tủ ấm Memmert	IN55/ D219.1117	Cái	01	Hiệu chuẩn	900.000	900.000
29.	Micropipet Satorius 10-100µL	Proline/ 15589380	Cái	01	Hiệu chuẩn	300.000	300.000
30.	Nhiệt ẩm kế Tanita	TT-513/ NAK01	Cái	01	Hiệu chuẩn	200.000	200.000
31.	Pipet 100-1000ul	OG32636 PF181582	Cái	02	Hiệu chuẩn	200.000	400.000
32.	Nhiệt ẩm kế cơ TT-513	NAK-204757 NAK-204756 NAK-204755	Cái	03	Hiệu chuẩn	200.000	600.000
33.	Nhiệt kế đo nhiệt độ tủ lạnh		Cái	02	Hiệu chuẩn	200.000	400.000
34.	Tủ mát, Model VH401K	2610040001390 N/A	Cái	02	Hiệu chuẩn	900.000	1800.000
35.	Tủ ấm, Model BIOCELL 1000	10017	Cái	01	Hiệu chuẩn	900.000	900.000
36.	Kính hiển vi, Model CX23LEDRFS1	5H87338 5H87369	Cái	02	Kiểm tra an toàn và tính năng kỹ thuật	900.000	1800.000
37.	Tủ an toàn sinh học cấp II, Model BIO-II-4	520854 520723 520850 CODE-251	Cái	04	Thử nghiệm	2000.000	8000.000
	Tổng cộng:						**108.650.000**